

Số: 78/2022/QĐST- HNGĐ

Sầm Sơn, ngày 05 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 30/2022/TLST/HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị H – sinh năm: 1983.

ĐKHKT: Thôn T, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Chung cư Đ, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Viên Đình T – sinh năm: 1984.

ĐKHKT: Thôn T, xã Q, thành phố S, tỉnh Thanh Hóa.

Căn cứ vào Điều 48, 212, 213, 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 quy định về Án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2022.

Sau khi xem xét đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản, công nợ chung ngày 28/7/2022 của chị Ngô Thị H và anh Viên Đình T.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 7 năm 2022 là H toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản, công nợ chung ngày 28 tháng 7 năm 2022 của nguyên đơn chị Ngô Thị H, bị đơn anh Viên Đình T là H toàn tự nguyện.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Ngô Thị H và anh Viên Đình T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị H và anh Viên Đình T thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Ngô Thị H và anh Viên Đình T có 02 con chung là các

cháu Viên Đình Quốc Hy - sinh ngày 01/05/2008, cháu Viên Thị Ngọc A - sinh ngày 21/4/2015. Ly hôn anh chị thống nhất giao cháu Viên Đình Quốc H cho anh Viên Đình T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Viên Thị Ngọc A cho chị Ngô Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho ai. Anh T, chị H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

2.3. *Về tài sản*: Anh chị thống nhất rút phần yêu cầu khởi kiện về chia tài sản, công nợ chung. Anh chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

2.4. *Về án phí*: Anh chị thỏa thuận chị Ngô Thị H nộp: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ngô Thị H đã nộp theo biên lai số: AA/2019/0004424 ngày 07/3/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sầm Sơn, chị H được nhận lại 16.150.000 đồng (Bằng chữ: Mười sáu triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

3. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu “Chia tài sản chung khi ly hôn” của nguyên đơn, bị đơn do nguyên đơn, bị đơn tự nguyện rút yêu cầu.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

4.1. Đối với nội dung công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại mục 1, mục 2 của quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.2. Đối với nội dung đình chỉ yêu cầu khởi kiện tại mục 3 của quyết định này đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị nội dung này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP Sầm Sơn;
- Chi cục THADS TP Sầm Sơn;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

**Nguyễn Văn Hùng**